TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 310/2020/HC-PT
Ngày: 22 - 7 - 2020
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ông Nguyễn Đắc Minh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Phương Thu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 109/2020/TLPT-HC ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1361/2019/HC-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 466/2020/QĐPT-HC ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà Huỳnh Thị Mỹ D (có mặt)

Địa chỉ: Số 38/21 NTT, Phường P24, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Lê Song T văn phòng luật sư TL thuộc Đoàn luật sơ Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bị kiện:*

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện: Ông Nguyễn Thành Ph – Chủ tịch (vắng mặt)

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT

Địa chỉ: 06 PĐL, Phường P14 quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông HP – Phó Chủ Tịch (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận BT: Ông Phạm Đức A - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường quận BT (có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Huỳnh Hữu T1, sinh năm 1967 (vắng mặt)

2/ Ông Huỳnh Tấn L, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 38/21 NTT, Phường P24, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Trần Châu H (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 38/25 NTT, Phường P24, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh L, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Số 38/25A NTT, Phường P24, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Huỳnh Thị Mỹ D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2013, và đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/11/2018 các bản tự khai và lời khai trong các buổi làm việc người khởi kiện bà Huỳnh Thị Mỹ D trình bày:

Cha mẹ bà là ông Huỳnh Văn C (chết năm 1995) và bà Hồ Thị B (chết năm 2007) khi còn sống đã tạo lập 02 căn nhà liền kề nhau số 38/16 (số mới 38/21A) và 38/16A (số mới 38/21) NTT, Phường P24, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh có phần diện tích đất 39,6m^2 gắn liền phía sau 02 căn nhà của cha mẹ bà thuộc một phần thửa 21 và một phần thửa 22, tờ Bản đồ số 11 đã sử dụng ổn định từ năm 1968 đến nay đã hơn 40 năm không có tranh chấp, bà con lối xóm cư ngụ chung quanh ai cũng biết và mọi người đều xác nhận việc gia đình bà sử dụng nhà đất gắn liền với phần đất sân sau nhà bà là đúng sự thật. Tại Bản kê khai nhà cửa năm 1977, cha bà - ông Huỳnh Văn C chỉ kê khai về phần diện tích xây dựng nhà, còn phần đất 39,6m^2 sân sau nhà trồng tre, sử dụng làm sân phơi đồ và làm công thoát nước thì không có kê khai. Trong quá trình sử dụng gia đình bà đã tôn tạo và xây dựng lại khuôn viên phần đất sân sau của 02 căn nhà 38/21 và 38/21A NTT, Phường P24, Quận BT để sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Tại 02 Bản kê khai đăng ký nhà đất năm 1999, mẹ bà là bà Hồ Thị B cũng đã kê khai đăng ký nhà đất của 02 căn nhà, trong đó nhà số 38/21A (số cũ 38/16) với Diện tích toàn bộ khuôn viên là 151m^2, Diện tích sử dụng riêng là 151m^2 (Diện tích này bao gồm cả phần đất sân sau 39,6m^2); còn nhà số 38/21 (số cũ 38/16A) Diện tích là 113m^2.

Tại giấy thỏa thuận về việc xác định ranh giới nhà, đất ngày 20/7/1999 thì

gia đình bà cũng đã vẽ sơ đồ mặt bằng nhà đất và khuôn viên phần đất sân sau của 02 căn nhà là của gia đình bà đang sử dụng ổn định không có tranh chấp. Năm 2006, mẹ bà là bà Hồ Thị B nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn nhà số 38/21 (số cũ 38/16A) bao gồm cả phần đất 39,6m^2 sân sau nhà của gia đình bà đang sử dụng, còn căn nhà số 38/21A (số cũ 38/16) do hoàn cảnh còn khó khăn nên cha mẹ bà chưa làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận, hiện nay vẫn còn là giấy chủ quyền màu trắng chưa hợp thức hóa. Tuy nhiên, UBND Quận BT chỉ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn nhà số 38/21 NTT Phường P24, Quận BT cho gia đình bà sử dụng 113,3m^2; còn phần đất 39,6m^2 sân sau nhà của gia đình bà chưa được UBND Quận BT xem xét để cấp GCNQSDĐ, mặc dù tại thời điểm đó cho đến khi mẹ bà mất tháng 4/2007 không có tranh chấp. Đến năm 2007 sau khi mẹ bà qua đời, do nhà xuống cấp hư dột quá nhiều nên bà đã xin phép UBND Phường P24, Quận BT sửa chữa căn nhà số 38/21 NTT thì ông Trần Châu H lại có đơn tranh chấp đối với phần đất sân sau nhà bà có diện tích 39,6m^2 thuộc một phần thửa 22, tờ Bản đồ số l1 của gia đình bà sử dụng ổn định đã hơn 40 năm nay. Tại sao hơn mấy chục năm qua khi cha mẹ bà còn sống ông H không tranh chấp, mà đợi đến khi cha mẹ bà qua đời rồi ông H mới tranh chấp phần đất này với bà? Đồng thời UBND Phường P24 lại xác nhận ông H đã thực hiện việc nộp thuế từ năm 1993 đến năm 2008 là hoàn toàn không phù hợp quy định của pháp luật. Bởi vì, phần đất 39,6m^2 này là sân sau của gia đình bà đã sử dụng từ năm 1968 đến nay, chứ không phải là của ông Trần Châu H sử dụng.

Theo Pháp lệnh về thuế nhà, đất sửa đổi bổ sung năm 1994 tại Điều 2 Chương I quy định đối tượng nộp thuế đất và theo Mục I điểm C, khoản 2 tại Thông TU số 83/TC-TCT ngày 07/10/1994 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 94/CP ngày 25/8/1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh về thuế nhà, đất như sau: "*Trong trường hợp còn có sự tranh chấp hoặc chưa xác định được quyền sử dụng đất, kể cả trường hợp lấn chiếm trái phép (bao gồm cả phần diện tích đất lấn chiếm thêm ngoài khuôn viên....*) thì cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất là đối tượng nộp thuế đất". Như vậy, việc UBND Phường P24, Quận BT xác nhận cho ông Trần Châu H đóng thuế phần đất sân sau nhà của gia đình bà là không đúng với thực tế, vì phần đất 39,6m^2 này là của gia đình bà đã sử dụng hơn 40 năm nay, chứ không phải ông H là người đang sử dụng phần đất này. Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 155 và khoản 1 Điều 247 của Bộ luật dân sự về thời hiệu được hưởng quyền dân sự và xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu đối với bất động sản thì gia đình bà thỏa mãn các điều kiện quy định của pháp luật để xác lập quyền sở hữu đối với phần đất diện tích 39,6m^2 sân sau của nhà bà thuộc một phần thửa 22, tờ Bản đồ số 11 - Bản đồ địa chính Phường P24, Quận BT lập năm 2001, nên việc ông Trần Châu H tranh chấp quyền sử dụng đất đối với phần đất sân sau của gia đình bà là hoàn toàn không có cơ sở. Ngày 24/7/2007 UBND Phường P24, Quận BT đã hòa giải nhưng không thành việc tranh chấp đất giữa bà và ông Trần Châu H qua Biên bản làm việc giải quyết tranh chấp giữa hai bên. Tại Biên bản làm việc, ông Trần Châu H cũng xác nhận phần đất trống sau nhà bà là do

cha mẹ bà khi còn sống sử dụng trồng chuối, trồng tre và sau này gia đình bà đã sữa chữa tôn tạo xây tường rào lại phần đất này làm sân phơi đồ và cống thoát nước sử dụng đến nay. Trên thực tế, ông Trần Châu H cũng không chứng minh được phần đất này thuộc quyền sở hữu của mình; UBND Phường P24, Quận BT đã kết luận phần đất phía sau nhà bà đang sử dụng là đất tranh chấp chưa có cơ sở pháp lý để xác định quyền sở hữu đất của ai. Sau đó, ông Trần Châu H tiếp tục có đơn đề nghị UBND Quận BT giải quyết tranh chấp đất với bà.

Ngày 29/7/2010, UBND Quận BT ban hành Quyết định số 4906/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp giữa ông H với bà với nội dung: "Công nhận cho ông Trần Châu H được sử dụng phần đất diện tích 39,6m^2 thuộc một phần thửa 22, tờ Bản đồ số 11 Bản đồ địa chính Phường P24 lập năm 2001 (vị trí được xác định theo Bản đồ vị trí số 104199/BĐĐĐ-VPTT do Trung tâm đo đạc Bản Đồ lập ngày 25/10/2010)". Ngày 10/8/2010, bà đã làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh khiếu nại Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 29/7/2010 của UBND Quận BT vì đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Ngày 28/3/2013, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1518/QĐ- UBND về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà với ông Trần Châu H với nội dung: Bác đơn của bà tranh chấp đất với ông Trần Châu H ngụ tại số 38/21 NTT Phường P24, Quận BT. Công nhận cho ông Trần Châu H được sử dụng phần đất có diện tích 339,6m^2 thuộc một phần thửa 22, tờ Bản đồ số 10 Bản đồ địa chính Phường P24 lập năm 2010 (vị trí được xác định theo Bản đồ vị trí số 104199/ĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm Đo Đạc Bản đồ lập ngày 29/12/2010). Ông Trần Châu H phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định khi lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà cho rằng Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 28/3/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Vì vậy bằng đơn khởi kiện này, bà kinh mong Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét thụ lý giải quyết để đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà không bị xâm hại để bà yên tâm ổn định cuộc sống. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Tuyên hủy Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 28/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 29/7/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT vì không phù hợp quy định pháp luật.

Rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu công nhận cho gia đình bà được sử dụng phần đất sau nhà có diện tích 39,6m^2 thuộc thuộc một phần thửa 22, tờ bản đồ số 10 theo quy định của pháp luật dân sự về thời hiệu được hưởng quyền dân sự và xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu đối với bất động sản, bởi gia đình bà trực tiếp sử dụng phần đất này đã hơn 40 năm nay, thỏa mãn các điều kiện của pháp luật quy định để xác lập quyền sở hữu đối với phần đất này.

Căn cứ vào các bản tự khai và lời khai trong các buổi làm việc người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ông Phạm Gia H, bà Nguyễn Thị Diễm Th là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Theo bản đồ hiện trạng vị trí số 110269/ĐĐBĐ-VPTT ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Trung tâm đo đạc bản đồ, phần đất tranh chấp có diện tích 29,6m^2 thuộc một phần thửa 22 tờ bản đồ số 11 bản đồ địa chính Phường P24 lập năm 2001, có vị trí tương đương đối với phần thửa 483, tờ bản đồ số 1 (theo tài liệu 299/TTg), nguồn gốc trước năm 1975 nhằm lô số 59, tờ bản đồ số 12, bằng khoán số 1384 Bình Hòa Xã do ông Trần H2 (ông Nội của ông H) đứng bộ.

Nhà đất tại số 38/21 (số cũ 38/16A) NTT, Phường P24 quận BT có nguồn gốc do ông Huỳnh Văn C và bà Hồ Thị B tạo lập vào năm 1968. Năm 1977, ông Huỳnh Văn C kê khai nhà đất với diện tích đất của khu nhà 32m^2 , diện tích xây dựng 29m^2 chủ sở hữu đất là ông Trần Châu N (cha ông Trần Châu H). Năm 1992, bà B xây dựng, sữa chữa nhà đất nêu trên. Năm 1999, bà B kê khai nhà đất tại số 38/21 (số cũ 38/16A) NTT Phường P24 quận BT diện tích khuôn viên 113m^2 diện tích xây dựng 92m^2.

Đối với phần đất đang tranh chấp có diện tích 39,6m^2 thuộc một phần thửa 22 tờ bản đồ 11. Bản đồ địa chính Phường P24 tạo lập năm 2001 có nguồn gốc do ông Trần H2 (ông Nội của ông H) đứng bộ trước năm 1975 để lại. Theo tài liệu 299/TTg, phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 483, tờ bản đồ số 11 do ông Trần Châu H đăng ký 988m^2. Theo họa đồ hiện trạng nhà 38/21 (số cũ 38/16A) NTT ngày 24 tháng 12 năm 1988 và hồ sơ xin cấp giấy nhà 38/21 (số cũ 38/16A) NTT Phường P24 quận BT của bà D đều không thể hiện phần đất đang tranh chấp. Ông H có thực hiện nghĩa vụ thuế đối với phần đất đang tranh chấp 39,6m^2 từ năm 1993 đế nay (có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường P24). Năm 2001, bà B ký xác nhận phần đất đang tranh chấp thửa 22 tờ bản đồ số 11 bản đồ địa chính Phường P24 lập năm 2001 do ông H sử dụng. Thời điểm bà D vi phạm xây dựng tại thửa 22, tờ bản đồ số 11 bản đồ địa chính Phường P24 lập năm 2001 ông H khiếu nại và bà D đã ngừng xây dựng. Đối với phần lối đi số (1) Uỷ ban nhân dân Phường P24 đã xác nhận lối đi chung nên bà D phải chấp hành theo quy định của pháp luật.

Theo ý kiến xác minh của các hộ dân lân cận phần đất đang tranh chấp (tại Biên bản làm việc ngày 07 tháng 11 năm 2010) thì phần hẻm ký hiệu số (1) trên Bản đồ hiện trạng ví trí số 110869/ĐĐBĐ-VPTT ngày 29 tháng 10 năm 2010 trước đây là hẻm đi chung đi vào khu đất (hiện trạng đang tranh chấp) và đi thông qua hẻm 38/21 (số cũ 38/16A) NTT bằng một hẻm nhỏ bề ngang 0,5m^2 – 0,6m^2 (vị trí năm giữa nhà ông Nguyễn Xuân H số 38/41/11A và nhà số 38/41/13 NTT, chiếm dụng riêng cho tới nay. Tại phần hẻm số (1) không có đường cống thoát nước chung.

Bà Huỳnh Thị Mỹ D không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc và quá trình sử dụng phần đất đang tranh chấp. Do đó, việc bà D cho rằng phần đất đang tranh chấp do cha mẹ bà sử dụng trước giải phóng là không có cơ sở giải quyết. Nội dung Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 28 tháng 03 năm 2013 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết đơn tranh chấp đất của bà Huỳnh Thị Mỹ D là phù hợp quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các bản tự khai và lời khai trong các buổi làm việc người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT ông Nguyễn Quốc Thanh là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Nhà đất tại số 38/21 (số cũ 38/16A) NTT Phường P24 quận BT có nguồn gốc do ông Huỳnh Văn C và bà Hồ Thị B tạo lập vào năm 1968. Năm 1977, ông Huỳnh Văn C (là cha của bà D) kê khai nhà đất nêu trên với diện tích đất của khu nhà 32m^2, diện tích xây dựng 29m^2, chủ sở hữu đất là ông Trần Châu N (cha ông H) . Năm 1992, bà B xây dựng, sửa chữa nhà đất nêu trên.

Năm 1999, bà B kê khai nhà đất tại số 38/16A NTT Phường P24 (nay đổi thành 38/21 theo Quyết định số 15685/QĐ-UB ngày 26/11/2002 của UBND quận BT) với diện tích khuôn viên 113m^2, diện tích xây dựng 92m^2. Tại Giấy thỏa thuận về việc xác định ranh giới nhà đất, bà B kê khai phần đất trống phía sau nhà (phần đất tranh chấp) thuộc quyền sử dụng của bà B.

Năm 2006, bà B nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với nhà đất tại số 38/21 (số cũ 38/16A) NTT, Phường P24 quận BT. Theo Bản vẽ hiện trạng do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập ngày 24/02/2006 thể hiện nhà đất bà B đề nghị cấp giấy chứng nhận có diện tích 113,3m² thuộc một phần thửa 21 (diện tích 112,5m^2 do bà B đứng tên trong sổ dã ngoại) và một phần thửa 22, tờ bản đồ số 11 - BĐĐC Phường P24 lập năm 2001 (diện tích 0,9m^2 do ông Trần Châu H đứng tên trong sổ dã ngoại).

Sau đó, bà B lập giấy tự cam kết về ranh đất, tường riêng, không tranh chấp đối với phần đất diện tích 0,9m² thuộc một phần thửa 22 do ông Trần Châu H sử dụng và được UBND Phường P24 xác nhận chưa phát hiện tranh chấp. Ngày 29/12/2006, UBND quận BT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09156 cho bà Hồ Thị B (là đại diện khai trình) đối với phần đất tại số 38/21 NTT Phường P24 quận BT, diện tích đất công nhận 113,3m^2 (bao gồm phần diện tích 0,9m^2 thuộc một phần thửa 22, tờ bản đồ số 11).

Năm 2007, bà Huỳnh Thị Mỹ D (là con của bà B) xin phép UBND Phường P24 sửa chữa căn nhà số 38/21 NTT, Phường P24 quận BT nên ông Trần Châu H ngụ tại 38/12 NTT có đơn phản ánh việc bà D (thời điểm này bà B đã chết) xây dựng lấn chiếm khuôn viên đất thuộc quyền sử dụng của ông H (thuộc một phần còn lại của thửa 22, tờ bản đồ số 1).

Ngày 28/4/2008, Chủ tịch UBND quận BT ban hành Quyết định số 3317/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Huỳnh Thị Mỹ D (là con của bà B) do có hành vi xây dựng nới rộng phần công trình (phía sau), ngoài khuôn viên đã được cấp giấy chứng nhận, diện tích ½ (0,22m + 0,46m) x 7,19m = 2,44m^2. Ngày 29/5/2008, Chủ tịch UBND quận BT ban hành Quyết định số 4024/QĐ-UBND cưỡng chế thi hành Quyết định số 3317/QĐ-UBND ngày 28/4/2008.

Đối với việc ông H tranh chấp đất tại Phường P24 với bà Huỳnh Thị Mỹ D, UBND Phường P24 đã hòa giải nhưng không thành (theo Biên bản làm việc ngày 24/7/2007 của UBND Phường P24) nên ông H tiếp tục có đơn đề nghị giải

quyết tranh chấp đất với bà Huỳnh Thị Mỹ D và khôi phục lại hẻm do gia đình bà D lấn chiếm.

Tại buổi tiếp xúc do Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức ngày 15/11/2007, ngày 13/4/2008, ngày 16/11/2009 và ngày 27/01/2010, ông Trần Thanh L (là đại diện ủy quyền của ông H) tường trình: Phần đất tranh chấp với bà Huỳnh Thị Mỹ D có diện tích 39,6m^2 thuộc một phần thửa 22, tờ bản đồ 11-BĐĐC Phường P24 lập năm 2001 (ký hiệu là 22-1 tại Bản đồ vị trí số 104199/ĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập ngày 25/01/2010). Ông L đề nghị giải quyết tranh chấp phần diện tích 39,6m² nêu trên và khôi phục lại hẻm do gia đình bà D lấn chiếm để ông H có lối đi vào phần đất tranh chấp.

Xét phần đất tranh chấp, diện tích 39,6m^2 thuộc một phần thửa 22, tờ bản đồ 11-BĐĐC Phường P24 (ký hiệu là 22-1 tại Bản đồ vị trí số 104199/ĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập ngày 25/01/2010), hiện trạng có bộ phận công trình do bà Huỳnh Thị Mỹ D xây dựng không phép bị xử lý theo Quyết định số 3317/QĐ-UBND ngày 28/4/2008 của Chủ tịch UBND quận BT.

Theo tài liệu trước năm 1975: Phần đất diện tích 39,6m² thuộc Bằng khoán số 1384, tờ bản đồ số 12, Bình Hòa Xã (diện tích 8.412m^2, loại đất thổ cư) do ông Trần H2 (là ông nội của ông Trần Châu H) đứng bộ; theo tài liệu 299/TTg, phần đất tranh chấp nêu trên thuộc một phần thửa đất số 483, tờ bản đồ số 1, diện tích 988m^2, loại đất quả, do ông Trần Châu H đăng ký sử dụng; Năm 2001, bà Hồ Thị B (là mẹ của bà Huỳnh Thị Mỹ D) đã ký tên xác định ranh giới, mốc giới thửa đất số 22, tờ bản đồ số 11-BĐĐC do ông H sử dụng (bao gồm phần đất tranh chấp), đồng thời, ông H có thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với phần đất 39,6m² từ năm 1993 đến nay (có xác nhận của UBND Phường P24).

Về phía gia đình bà Huỳnh Thị Mỹ D không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc và quá trình sử dụng phần đất tranh chấp nêu trên.

Căn cứ khoản 4 Điều 5 Luật Đất đai năm 2003 quy định: "nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất ổn định", Ủy ban nhân dân quận BT đã ban hành Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2010 giải quyết tranh chấp đất giữa bà Huỳnh Thị Mỹ D và ông Trần Châu H với nội dung: công nhận cho ông Trần Châu H được sử dụng phần đất diện tích 39,6m² thuộc một phần thửa 22, tờ bản đồ số 10 Bản đồ địa chính Phường P24 lập năm 2001 (vị trí được xác định theo Bản đồ vị trí số 104199/ĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập ngày 25/01/2010).

Căn cứ vào các bản tự khai và lời khai trong các buổi làm việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Châu H có ông Trần Thanh L là đại diện ủy quyền trình bày:

Vào khoảng năm 1960, cha ông ông Trần Châu N, có cho 2 chị em bà Huỳnh Thị B (tại số 38/21 (số cũ 38/16A) NTT Phường P24 quận BT) và vợ chồng ông Huỳnh Văn C và bà Hồ Thị B (tại nhà số 38/21 (số cũ 38/16A) NTT Phường P24 quận BT) ở nhờ trên 1 phần đất thuộc bằng khoán số 57 và 59, bản đồ số 12

và nhắc cho con cháu biết chỉ cho ở nhờ, không có sang nhượng nên không có làm văn tự nào cả. Sau đó căn nhà tại số 38/21 (số cũ 38/16A) NTT Phường P24 quận BT đã được bà Huỳnh Thị B làm hợp thức hóa và chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Văn Ch. Cả 2 nhà này khai báo thuế hàng năm là 76m^2. Phần đất sau nhà ông Huỳnh Văn C là của gia đình ông ra vào bằng hai đường hẻm. Nhiều lần ông muốn sử dụng nhưng gặp sự chống đối của gia đình bà D, nhiều lần đã xây ra xô xát.

Trước tình hình trên, buộc lòng ông H phải làm đơn khiếu tố nhờ chính quyền giải quyết. Ngày 20/8/2000 Ban tư pháp phường xử lý vụ việc và khẳng định gia đình ông C đã vi phạm, lấn chiếm phần đất của gia đình ông, mọi việc phải có sự thỏa thuận và đồng ý của gia đình ông. Sau này gia đình ông Huỳnh Văn C thương lượng mua lại phần đất này với giá 20.000.000 đồng nhưng ông không bán. Năm 1999, ông có kê khai đăng ký theo chủ trương của Nhà nước. Năm 2000 đã có bản vẽ hiện trạng nhà đất với tên ông H. Giữa tháng 6 năm 2007, bà Huỳnh Thị Mỹ D là con ông Huỳnh Văn C đã xây mới bán kiên cố nhà 38/16 mặt tiền trổ cửa ra phần đất của ông. Toàn bộ lối đi vào khu đất của ông bị bịt kín và con hẻm chung bị khóa bằng 2 lớp cửa sắt nhằm ngăn cản không cho gia đình ông vào thăm khu đất trên, điều này bà con lối xóm chứng kiến.

Sau đó, gia đình ông đã gởi đơn lên chính quyền các cấp và đã được giải quyết công nhận phần đất trên thuộc sử dụng của gia đình ông, do đó đề nghị bác đơn khởi kiện của bà D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1361/2019/HC-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010;

Áp dụng khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158; Điểm a khoản 2 Điều 193; Khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138 Luật Đất đai 2003;

Áp dụng khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ D yêu cầu hủy Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 29/7/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT về giải quyết tranh chấp đất giữa bà Huỳnh Thị Mỹ D với ông Trần Châu H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, bà Huỳnh Thị Mỹ D kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 28/3/2013 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hủy Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 29/7/2010 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận BT.

Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, hủy hai Quyết định số 1518/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 4906/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận BT, do Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ không khách quan, không đầy đủ, cụ thể:

Thứ nhất, Quyết định 1518/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh có những vi phạm sau: Việc tranh chấp giữa bà D và ông H thuộc trường hợp các bên tranh chấp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Khoản 1, 2, 5 Điều 50 Luật đất đai 2003, quyết định 1518/QĐ-UBND bác đơn của bà D, công nhận cho ông H được sử dụng phần đất tranh chấp là không phù hợp với quy định tại Điều 161 Nghị định 181/2004/NĐ-CP; Theo quy định Thông tư 01/2015 thì thời hạn là không quá 45 ngày, tuy nhiên gần 3 năm Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh mới ban hành Quyết định 1518/QĐ-UBND là vi phạm quy định về thời hạn giải quyết tranh chấp đất đai; Vi phạm về trình tự, thủ tục ban hành quyết định giải quyết tranh chấp theo quy định về việc tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ hai, Quyết định 4906/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Quận BT công nhận quyền sử dụng đất cho ông H là không có căn cứ theo quy định tại Điều 161 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP. Ngoài ra, Quyết định 4906/QĐ-UBND cũng vi phạm quy định về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: Vi phạm quy định về hòa giải tranh chấp đất đai, quy định về quy trình xử lý, giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất.

Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

Phần đất 39,6m^2 chưa được cấp quyền sử dụng đất cho ai, căn cứ theo quy định pháp luật, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai là UBND các cấp. Vì vậy, chủ tịch UBND quận BT giải quyết là đúng thẩm quyền. Các thành phần tham dự đã đầy đủ và phù hợp. Biên bản hòa giải năm

2007 không vi phạm quy định pháp luật. Ông H có quá trình sử dụng đất ổn định, bà D không đưa ra giấy tờ chứng minh về quá trình sử dụng đất. Gia đình ông H có đăng ký kê khai, có biên lai nộp thuế. Việc ban hành quyết định của Chủ tịch UBND quận BT là đúng trình tự, đúng thẩm quyền, có căn cứ. Việc vi phạm thời hạn của quyết định không ảnh hưởng nội dung giải quyết của vụ án. Ông H do cắt nhỏ lẻ đất đem bán nên không còn lối vào đất. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng để phán xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên không có cơ sở để xem xét. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2] Nội dung vụ án:

Bà Huỳnh Thị Mỹ D và ông Trần Châu H có tranh chấp phần đất diện tích 39,6 m^2 gắn liền phía sau 02 căn nhà số 38/16 (số mới 38/21A) và 38/16A (số mới 38/21) NTT, Phường P24, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc một phần thửa 21 và một phần thửa 22, tờ bản đồ số 11. Ngày 29/7/2010 Chủ tịch UBND quận BT ban hành quyết định 4906/QĐ-UBND công nhận phần diện tích đất trên cho ông H. Ngày 10/8/2010 bà D có đơn khiếu nại. Ngày 28/3/2013 Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định 1518/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của bà D, giữ nguyên quyết định 4906/QĐ-UBND. Bà D cho rằng phần diện tích đất trên gia đình bà đã sử dụng từ năm 1968 đến nay, nên khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án hủy 02 quyết định trên.

Người bị kiện cho rằng các quyết định hành chính bị kiện được ban hành đúng quy định pháp luật, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Châu H cho rằng: Gia đình bà D đã lấn chiếm phần đất có diện tích 39,6 m^2 của gia đình ông. Do đó,

quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND quận BT và Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm đã nhận định:

Theo bản đồ hiện trạng vị trí số 110269/ĐĐBĐ-VPTT ngày 29/12/2010 của Trung tâm đo đạc bản đồ, phần đất tranh chấp có diện tích 39,6m^2 thuộc một phần thửa 22 tờ bản đồ số 11 bản đồ địa chính Phường P24 lập năm 2001, có vị trí tương đương đối với phần thửa 483, tờ bản đồ số 1 (theo tài liệu 299/TTg), nguồn gốc trước năm 1975 nhằm lô số 59, tờ bản đồ số 12, bằng khoán số 1384 Bình Hòa Xã do ông Trần H2 (ông Nội của ông H) đứng bộ.

Năm 1999, bà B kê khai nhà đất tại số 38/16A NTT Phường P24 (nay đổi thành 38/21 theo Quyết định số 15685/QĐ-UB ngày 26/11/2002 của UBND quận BT) với diện tích khuôn viên 113m^2, diện tích xây dựng 92m^2. Tại Giấy thỏa thuận về việc xác định ranh giới nhà đất, bà B kê khai phần đất trống phía sau nhà (phần đất tranh chấp) thuộc quyền sử dụng của bà B. Năm 2006, bà B nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với nhà đất tại số 38/21 (số cũ 38/16A) NTT Phường P24 quận BT. Theo Bản vẽ hiện trạng do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập ngày 24/02/2006 thể hiện nhà đất bà B đề nghị cấp giấy chứng nhận có diện tích 113,3m² thuộc một phần thửa 21 (diện tích 112,5m^2 do bà B đứng tên trong sổ dã ngoại) và một phần thửa 22, tờ bản đồ số 11 - BĐĐC Phường P24 lập năm 2001 (diện tích 0,9m^2 do ông Trần Châu H đứng tên trong sổ dã ngoại). Sau đó, bà B lập giấy tự cam kết về ranh đất, tường riêng, không tranh chấp đối với phần đất diện tích 0,9m² thuộc một phần thửa 22 do ông Trần Châu H sử dụng và được UBND Phường P24 xác nhận chưa phát hiện tranh chấp. Ngày 29/12/2006, UBND quận BT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09156 cho bà Hồ Thị B (là đại diện khai trình) đối với phần đất tại số 38/21 NTT Phường P24 quận BT, diện tích đất công nhận 113,3m^2 (bao gồm phần diện tích 0,9m^2 thuộc một phần thửa 22, tờ bản đồ số 11).

Năm 2007, bà Huỳnh Thị Mỹ D (là con của bà B) xin phép UBND Phường P24 sửa chữa căn nhà số 38/21 NTT Phường P24 quận BT nên ông Trần Châu H ngụ tại 38/12 NTT có đơn phản ánh việc bà D (thời điểm này bà B đã chết) xây dựng lấn chiếm khuôn viên đất thuộc quyền sử dụng của ông H (thuộc một phần còn lại của thửa 22, tờ bản đồ số 1). Ngày 28/4/2008, Chủ tịch UBND quận BT ban hành Quyết định số 3317/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Huỳnh Thị Mỹ D (là con của bà B) do có hành vi xây dựng nới rộng phần công trình (phía sau), ngoài khuôn viên đã được cấp giấy chứng nhận, diện tích ½ (0,22m + 0,46m) x 7,19m = 2,44m^2. Ngày 29/5/2008, Chủ tịch UBND quận BT ban hành Quyết định số 4024/QĐ-UBND cưỡng chế thi hành Quyết định số 3317/QĐ-UBND ngày 28/4/2008.

Tại Biên bản làm việc ngày 07/11/2010 của Ủy ban nhân dân Phường P24 về việc xác minh của các hộ dân lân cận phần đất đang tranh chấp thì phần hẻm ký hiệu số (1) trên Bản đồ hiện trạng ví trí số 110869/ĐĐBĐ-VPTT ngày

29/10/2010 trước đây là hẻm đi chung đi vào khu đất (hiện trạng đang tranh chấp) và đi thông qua hẻm 38/21 (số cũ 38/16A) NTT bằng một hẻm nhỏ bề ngang 0,5m^2 – 0,6m^2 (vị trí nằm giữa nhà ông Nguyễn Xuân Hải số 38/41/11A và nhà số 38/41/13 NTT, nhà bà D đã làm chiếm dụng riêng cho tới nay.

Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 29/7/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT đã giải quyết tranh chấp đất giữa bà Huỳnh Thị Mỹ D và ông Trần Châu H với nội dung: Công nhận cho ông Trần Châu H được sử dụng phần đất diện tích 39,6m² thuộc một phần thửa 22, tờ bản đồ số 10 Bản đồ địa chính Phường P24 lập năm 2001 (vị trí được xác định theo Bản đồ vị trí số 104199/ĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập ngày 25/01/2010) và Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 28/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã bác yêu cầu của bà Huỳnh Thị Mỹ D là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ tài liệu, chứng cứ và phán quyết là có căn cứ pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận định thêm: Căn cứ để xác định chủ thể có quyền sử dụng đất hay không là nguồn gốc đất từ đâu mà có. Bà D chỉ trình bày phần đất tranh chấp do gia đình bà sử dụng từ năm 1968, nhưng không chứng minh được nguồn gốc đất. Theo các tài liệu trước năm 1975, tài liệu 299/TTg đều thể hiện phần đất tranh chấp là do gia đình ông H đăng ký sử dụng. Phù hợp với lời trình bày của ông H: Vào khoảng năm 1960, cha ông là ông Trần Châu N có cho bà Huỳnh Thị B và vợ chồng ông Huỳnh Văn C, bà Hồ Thị B đến ở nhờ, sau đó bà Bén chuyển nhượng cho vợ chồng ông C. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Ngày 10/8/2010 bà D đã có đơn khiếu nại quyết định 4906/QĐ-UBND ngày 29/7/2010 của Chủ tịch UBND quận BT, nhưng đến ngày 28/3/2013 chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh mới ban hành quyết định 1518/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại là vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại. Xét thấy, căn cứ quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011 thì trình bày của phía người khởi kiện là có căn cứ. Tuy nhiên, bà D khởi kiện yêu cầu hủy quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh là do không đồng ý nội dung giải quyết khiếu nại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy sai sót này của người bị kiện nếu không làm ảnh hưởng tới phần nội dung phán quyết của bản án sơ thẩm, thì không là căn cứ để sửa bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

I/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị Mỹ D. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 1361/2019/HC-ST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ D về việc yêu cầu: Hủy Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 29/7/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT về giải quyết tranh chấp đất giữa bà Huỳnh Thị Mỹ D với ông Trần Châu H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/ Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0024833 ngày 29/10/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
-NBK (2);
-NLQ (3);
- Lưu (7) 17b (Án VTPT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên